

ẢNH HƯỞNG CỦA NƯỚC ANH ĐỐI VỚI KHỐI THỊNH VƯỢNG CHUNG TỪ SAU THẾ CHIẾN THỨ HAI ĐẾN NAY

Ths. Bùi Hồng Hạnh

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

Nhắc đến Khối Thịnh vượng chung (KTVC), người ta thường nghĩ ngay đến nước Anh, thậm chí có người vẫn gọi tổ chức này là Khối Liên hiệp Anh (British Commonwealth of Nations). Nguyên nhân là do KTVC vẫn được coi là tổ chức được thiết lập nhằm duy trì ảnh hưởng độc tôn của nước Anh. Không thể phủ nhận quan điểm này, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của “cựu đế quốc” Anh đã dần thay đổi cùng với quá trình vận động và phát triển của KTVC với tư cách là một tổ chức quốc tế hiện đại. Bài viết này sẽ xem xét một cách tổng quan những biến động và sự suy giảm ảnh hưởng của Anh đối với KTVC qua các giai đoạn từ sau Thế chiến thứ Hai đến nay.

1. Giai đoạn 1945 - 1960

Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc năm 1945 bằng thắng lợi của lực lượng Đồng minh chống phát xít tương chừng sẽ mở ra một thời kỳ hoà bình mới cho thế giới, song đó lại là bước mở đầu cho một cuộc chiến kiểu mới, Chiến tranh Lạnh. Hệ thống hai cực xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa được hình thành dựa trên cơ sở ý thức hệ và lợi ích quốc gia, lôi kéo và chia rẽ thế giới

thành hai phe đối đầu. Trong thế giới hai cực ấy, nước Anh đã “tụt xuống” thành “cường quốc hạng hai”. Thêm vào đó, được sự cổ vũ của chiến thắng phát xít, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phát triển mạnh mẽ, đẩy hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc vào tình trạng khủng hoảng.

Trong nỗ lực nhằm duy trì và bảo vệ quyền lợi của một “đế quốc”, trước những biến động của tình hình thế giới, nước Anh đề ra mục tiêu “tái tạo” lại hệ thống đế quốc chứ không thể đứng yên nhìn nó tan rã. Năm 1946, trong Hội nghị Thủ tướng đầu tiên thời hậu chiến, với sự ủng hộ của Australia và New Zealand, Anh bộc lộ ý định muốn xây dựng một “*lực lượng thứ ba*” hùng mạnh do Anh lãnh đạo, biến “Đế quốc” thành một thế lực có thể cân bằng với hai cực một bên là Mỹ và phía bên kia là Liên Xô. “*Đôi khi người ta quên mất rằng sức mạnh tiềm tàng của đế quốc Anh và KTVC còn lớn hơn cả Mỹ hay Liên Xô*”¹. Thủ tướng Anh Clement Attlee thậm chí đã tuyên bố: “*Chúng ta*

¹ D. Austin (1988), “The Commonwealth and Britain”, *Chatham House Paper* 41. Royal Institute of International Affairs, tr.20.

không chỉ là cường quốc châu Âu duy nhất mà còn là thành viên của một KTVG và Đế quốc vĩ đại² và “Mục đích của chúng ta là duy trì KTVG như một cộng đồng quốc tế được các nước khác, đặc biệt là Mỹ và Liên Xô phải công nhận”. Song kế hoạch này đã nhanh chóng tàn lụi khi gặp phải sự phản đối của Canada và Nam Phi. Hai nước đều không chấp nhận ý tưởng hợp tác của Đế quốc và coi đó như một “hệ thống đầm máu”.

Mặc dù Hội nghị Thủ tướng năm 1946 không đạt được kết quả cuối cùng là thể chế hoá và xây dựng Khối thành một “lực lượng thứ ba” trên trường quốc tế, song tờ The Times lúc đó đã nhận định rằng: “Bằng việc vạch ra các kế hoạch chiến lược, với lợi thế về địa lý, họ đã bộc lộ những tiềm năng về quyền lực bởi lẽ họ không chỉ “nắm trong tay” các nước nhỏ mà cả những nước đông dân, thậm chí cả các cường quốc, do đó họ liên kết với nhau”³. Nhu cầu liên kết và hợp tác không chỉ xuất phát từ ý thức về những mục tiêu và quyết tâm chung mà còn thể hiện mong muốn sử dụng những mối quan hệ của Khối trong các vấn đề quốc tế.

Cùng với phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, Khối phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng về thể chế. Phong trào đòi

độc lập càng lên cao thì nguy cơ đòi ly khai khỏi Khối càng gia tăng, đặc biệt là các quốc gia không có “gốc Anh”. Với việc trao trả độc lập cho các nước Nam Á năm 1947 – 1948, Anh hy vọng duy trì được những mối liên hệ khăng khít với các quốc gia này. Trong số các nước thuộc Khối, Ấn Độ là một quốc gia châu Á lớn và đã tạo được những ảnh hưởng nhất định. Ngay sau khi tuyên bố Ấn Độ là nước cộng hoà, vấn đề nước này có nên ở lại Khối hay không được tranh luận gay gắt. Một thành viên của Khối có thể chế cộng hoà với người đứng đầu quốc gia là thủ tướng hay tổng thống là vấn đề được coi như vi phạm tính nguyên tắc đã đặt ra trong Quy chế Westminster năm 1931 rằng buộc các nước thành viên là: trung thành với Nhà Vua Anh. Tuy nhiên, “cắt đứt quan hệ với Ấn Độ được coi như là đòn nghiêm trọng đánh vào sự tồn tại của KTVG vì điều đó tước đi của Khối này gần 2/3 dân số và phần lớn lãnh thổ, làm giảm sút tiềm lực kinh tế và tôn thất uy tín của Khối ở châu Á và trên toàn thế giới”⁴. Vì thế, chính phủ Anh phải tìm mọi cách thoả hiệp để giữ Ấn Độ lại cho dù có phải “sửa đổi” Quy chế Westminster. Tại Hội nghị Thủ tướng năm 1949, với Tuyên bố London, điều đó đã được chấp thuận, Ấn Độ vẫn có thể là một thành viên cộng hoà nhưng phải chấp nhận Nhà Vua Anh “là biểu tượng

² Porter & Stockwell (1987), *British Imperial Policy and Decolonization*, Vol.1, Palgrave, Basingstock, tr.59,

³ J.D.B.Miller (1958), *The Commonwealth in the World*, Duckworth, London, tr.49.

⁴ Nguyễn Công Khanh (1996), Vài nét về mối quan hệ giữa Ấn Độ và Khối Liên hiệp Anh Commonwealth 1947 - 1950, *Nghiên cứu Châu Âu* (Số 5/1996), tr.39 - 41.

của Hiệp hội Tự do gồm các quốc gia độc lập và là Người đứng đầu KTVC” (Head of the Commonwealth of Nations). Thủ tướng Attlee coi đây là một “thắng lợi” chứ không phải thất bại - chấm dứt sự tồn tại của đế quốc là điều mà nước Anh mong đợi; “*đuy trì vai trò đế quốc là chống lại những nguyên tắc tối cao*” và đó là biện pháp “*quản trị toàn cầu mà không phải chịu trách nhiệm đối với các thuộc địa*”⁵.

Có thể nói, việc công nhận một quốc gia thành viên của KTVC là nước cộng hoà là một sự thay đổi lớn về hình thức thể chế trong quan hệ của Khối. Về mặt danh nghĩa, tổ chức này không còn “thuộc quyền sở hữu” của Anh. Song không thể phủ nhận rằng đây chính là kết quả “mang đậm tính chất Anh”, thể hiện sự linh hoạt, khôn khéo và thực tế của chính phủ Anh nhằm duy trì quyền lợi và ảnh hưởng của mình.

Mặt khác, cũng cần thấy rằng việc tính từ “british” không còn trong tên gọi của Khối cũng chứng tỏ ảnh hưởng của Anh đối với tổ chức này đã không còn “toàn vẹn”. Hơn nữa, việc Ấn Độ trở thành nước cộng hoà và vẫn là thành viên của Khối không chỉ là quyết định chấp nhận của Anh mà còn xuất phát từ chính nhu cầu và quan điểm của Ấn Độ.

Ngay sau khi giành được quyền tự trị năm 1947, tại Ấn Độ, đại đa số nhân dân Ấn Độ đều chống lại việc Ấn Độ có quan hệ chặt chẽ với nước Anh và Khối, bởi lẽ sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Anh trong suốt hàng trăm năm đã khiến họ cảm thấy quy chế tự trị là không đủ. Tuy nhiên, một số nhà lãnh đạo Ấn Độ cũng nhận thấy sự phụ thuộc về kinh tế rất lớn giữa Ấn Độ với Anh cũng như trong nhiều lĩnh vực khác. Vấn đề khó khăn nhất đối với J.Nehru, người đứng đầu chính phủ Ấn Độ lúc bấy giờ, là vừa phải giữ được liên hệ với nước Anh, vừa phải xây dựng một nền độc lập của nước mình. Vì vậy, tại kỳ họp của Quốc hội Lập pháp tháng 3/1948, Nehru đã tuyên bố Ấn Độ sẽ là một nước cộng hoà, độc lập, có chủ quyền. Đồng thời ông cũng bày tỏ mong muốn tiếp tục được là thành viên của Khối và công nhận Vua Anh là Người đứng đầu Khối. Chính quyết định giữ mối quan hệ với KTVC nhằm tạo điều kiện “tốt hơn cho sự ổn định chính trị nội bộ”⁶ của Nehru đã đặt nền móng cho KTVC hiện đại. Do đó có thể gọi đây là thời kỳ “*KTVC của Nehru*”.

2. Giai đoạn 1960 - 1990

Giai đoạn này được nhiều học giả gọi là “*KTVC của châu Phi*” bởi lẽ bao trùm lên Khối là những cuộc khủng hoảng xuất phát từ châu Phi và ảnh hưởng ngày càng gia tăng của các thành viên thuộc châu lục này. Ngay

⁵ A.J.Stockwell (1999), *Ending the Empire*, London University, London, tr.24-25.

⁶ Nguyễn Công Khanh (1996), tr.39-41.

từ năm 1953, tạp chí *The Round Table* số 360 đã dự đoán rằng: “*Trong thập niên tới, những gì diễn ra ở châu Phi sẽ quyết định KTV C tồn tại hay sụp đổ*”.

Bước vào thập niên 60 của thế kỷ, thế giới chứng kiến làn sóng giải phóng dân tộc lan nhanh và mạnh mẽ ở các khu vực thuộc địa. Hệ thống thuộc địa tan rã càng nhanh, uy thế của Đế quốc Anh càng sụt giảm, còn số lượng thành viên của KTV C lại gia tăng nhanh chóng. Trong giai đoạn này, số lượng thành viên KTV C đã tăng từ 8 thành viên năm 1949 lên 23 thành viên năm 1965.⁷ Chính vì vậy, các chính trị gia Anh càng đặt nhiều hi vọng vào việc biến KTV C thành “*một tổ chức mang đến niềm tự hào và lợi ích cho nước Anh*”⁸. Đây có thể là một diễn đàn trong đó Anh có một vị trí đặc quyền và chính diễn đàn này sẽ nâng cao uy thế của Anh với tư cách là đại diện cho các thành viên của Khối trên trường quốc tế. Thậm chí Macmillan đã nói với nội các của mình rằng: “*Đế quốc không bị sụp đổ mà đang lớn mạnh*”⁹. Tuy nhiên, những “*ảo tưởng*” đó chẳng tồn tại được bao lâu.

Số lượng các thành viên là các quốc gia vừa giành được độc lập tăng lên dường như

đã biến KTV C thành diễn đàn của các nước thuộc Thế giới thứ Ba. Năm 1965, dưới áp lực của các nước này, chính phủ Anh đã buộc phải ủng hộ cho ý tưởng thành lập Ban Thư ký KTV C, một cơ quan ra đời để thúc đẩy một KTV C trong đó nước Anh không còn đóng vai trò trọng tâm. Mục đích của Anh không thành, KTV C vốn được coi là “*sản phẩm*” của Anh rơi vào khủng hoảng.

Hai cuộc khủng hoảng trong thập niên 1960 và 1980 đều bắt nguồn từ sự xung đột trong quan điểm giữa Anh và các nước thành viên khác (châu Phi). Cuộc khủng hoảng thứ nhất là việc chính phủ thiểu số da trắng của Nam Rhodesia đơn phương tuyên bố độc lập, bất chấp quyền lợi của người Phi da đen và sự phản đối của cộng đồng quốc tế. Cuộc khủng hoảng thứ hai là chế độ Apartheid ở Nam Phi. Những bất đồng trong quan điểm giải quyết “*vấn đề Nam Phi*” đã đẩy KTV C vào tình trạng mâu thuẫn và chia rẽ. Có thể nói, những vấn đề của KTV C thời kỳ này thể hiện sự giằng co giữa một bên là Anh muốn duy trì ảnh hưởng của mình đối với KTV C, còn một bên là các thành viên muốn phát triển Khối thành một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả các nước thành viên.

Mặc dù nước Anh vẫn đóng vai trò trung tâm trong việc giải quyết các vấn đề này, nhưng các thành viên châu Phi mới chính là nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến KTV C. Nếu như trước đây Anh luôn chủ động tìm cách áp đặt ảnh hưởng đối với

⁷ Năm 1949, KTV C có 8 thành viên là Anh, Canada, New Zealand, Australia, Nam Phi, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka.

⁸ Krishnan Srinivasan (2006), *Nobody's Commonwealth? Commonwealth in Britain's Post-imperial Adjustment*, *Commonwealth and Comparative Politics* (Vol.44, No.2), tr.262.

⁹ J.D.B.Miller (1970), *Britain and the Commonwealth*, Duke University, Durham, tr.189.

KTVC thì nay KTVC lại tìm mọi biện pháp để tác động vào Anh.

Có thể nói đây là thời kỳ nước Anh đang trong tâm trạng nuôi tiếc và bất an. Trong nước, người Anh còn trầm bẽ lo lắng với việc khôi phục kinh tế và ổn định xã hội. Qui mô của đế quốc Anh bị thu hẹp đáng kể và nhanh chóng, chính phủ London ngày càng mất uy tín trong nước cũng như trên trường quốc tế. Người Anh trầm trở với câu nói của Dean Acheson¹⁰ rằng họ “*đã mất một Đế quốc và chưa tìm được cho mình một vai trò*”. Do đó, chính phủ Anh cố gắng níu kéo và coi KTVC như công cụ để duy trì ảnh hưởng. Tuy nhiên, càng níu kéo, ảnh hưởng của Anh đối với KTVC càng suy giảm bởi nó chống lại mong muốn của đa số thành viên và đi ngược lại qui luật phát triển tất yếu của một tổ chức quốc tế hiện đại. Năm 1970, chính phủ Bảo thủ mới lên cầm quyền đã đặt ra ưu tiên hàng đầu là gia nhập Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) càng khiến cho người ta nghĩ rằng giữa KTVC và châu Âu, Anh chọn châu Âu vì đã không thể duy trì ảnh hưởng đối với KTVC.

Chính sách của Anh hoàn toàn có thể giải thích được về mặt nào đó. Để có thể giữ từ được quá khứ huy hoàng, nước Anh cần phải có thời gian và KTVC trong xu thế ấy cũng đã vận động không ngừng nhằm thoát khỏi cái bóng thuộc địa. Bước vào thập niên

1990, cơn ác mộng Rhodesia và chế độ Apartheid được giải quyết, cả Anh và KTVC không còn gánh nặng của tàn dư đế quốc, tự xác định xu hướng phát triển cho một KTVC hoàn toàn mới.

3. Giai đoạn 1990 đến nay

Những biến động ở nhiều nước Đông Âu và Liên Xô cuối thập niên 1980 dường như đã dự báo cho thế giới một sự thay đổi mang tính lịch sử. Sự chi phối của Liên Xô với khu vực Đông Âu sụp đổ. Cuối năm 1989, trong một cuộc gặp không chính thức giữa Tổng thống Bush và Tổng thống Gorbachev, Mỹ và Liên Xô đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh Lạnh. Tại khu vực châu Âu, sự thống nhất của nước Đức, sự lớn mạnh của Cộng đồng Châu Âu đã làm suy giảm nghiêm trọng ảnh hưởng của Mỹ ở Tây Âu. Nước Anh với tư cách là đồng minh Tây Âu thân cận nhất của Mỹ phải cố gắng tìm một thế đứng cân bằng ở châu Âu với xu hướng nhất thể hoá ngày càng mạnh mẽ.

Đối với KTVC, đến năm 1989, chế độ Apartheid ở Nam Phi đã bắt đầu tan vỡ. Nhiệm vụ vốn được coi là hàng đầu của Khối trong những thập niên trước đó đã được hoàn thành. Trước những biến động to lớn của lịch sử thế giới, Chiến tranh Lạnh kết thúc, các cuộc khủng hoảng của KTVC cũng đã kết thúc, Khối cần những định hướng và điều chỉnh cho sự phát triển trong tương lai. Tháng 10/1991, Hội nghị thượng đỉnh

¹⁰ Dean Gooderham Acheson (1893 - 1971), Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Harry.S Truman.

KTVC (Commonwealth Head of Government Meeting - CHOGM) được tổ chức tại Harare, Zimbabwe. Tuyên bố Harare năm 1991 ra đời đã thực hiện được nhiệm vụ đó. Với Tuyên bố này, KTVC tiến dần đến mô hình một tổ chức quốc tế thực thụ.

Bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, ảnh hưởng của Anh đối với KTVC không còn như trước. KTVC đã vận động và phát triển thành một tổ chức quốc tế tự nguyện và bình đẳng giữa các thành viên. Thậm chí có học giả đã gọi đây là giai đoạn **“KTVC không thuộc ai”** (Nobody's Commonwealth). Tuy nhiên không thể phủ nhận rằng *“những gì mà New Zealand, Sierra Leon và Belize có chung chính là cùng có những mối dây liên hệ với Anh. Nếu không có Anh, KTVC ngay lập tức sẽ sụp đổ”*¹¹. So với các thành viên khác, Anh có quan hệ khăng khít với tất cả các thành viên trong Khối, chính mối quan hệ này đã liên kết các thành viên của tổ chức. Trong hiệp hội này, Anh vẫn là tiếng nói có trọng lượng.

Đối với London, mặc dù không thành công trong cố gắng duy trì ảnh hưởng có “tính áp đặt” với một “thể chế hậu thuộc địa”, nhưng họ cũng không từ bỏ một tổ chức đang ngày càng khẳng định vị thế một tổ chức quốc tế hiện đại. Đặc biệt là trong bối cảnh xu thế hợp tác, toàn cầu hoá, vị thế

và vai trò của các tổ chức quốc tế càng trở nên quan trọng. Hơn nữa, sau KTVC, hàng loạt các tổ chức được thành lập trên cơ sở các thành viên là thuộc địa của Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... cũng cho thấy một xu hướng khác trong sự phát triển của các tổ chức quốc tế. Chính vì vậy, Thủ tướng Anh John Major đã nói: *“Nếu chúng ta không sử dụng nó, chúng ta sẽ mất nó. Cần có mục đích và trọng tâm để duy trì KTVC. Vậy mục đích đó là gì?”*¹². Với nước Anh, sự tồn tại của KTVC sẽ tiếp tục khẳng định và “nhắc nhở” cộng đồng quốc tế về vai trò của họ với tư cách là một nước lớn, có vị trí quan trọng trong các diễn đàn quốc tế. Hơn nữa, nước Anh cũng nhận được sự “hỗ trợ” từ tất cả các thành viên, đó là sự ủng hộ các ý tưởng của Anh trong quan hệ quốc tế, là nguồn cung cấp các nguồn lực phát triển cho nền kinh tế Anh

Tóm lại, mỗi một tổ chức quốc tế đều có một mô hình thể chế riêng, được thiết lập để phù hợp với tôn chỉ, mục đích chung của các thành viên. Không thể phủ nhận rằng các tổ chức quốc tế như KTVC, Cộng đồng Pháp ngữ... là hình thức cố gắng duy trì ảnh hưởng của các “cựu đế quốc” đối với các khu vực thuộc địa cũ, các nước còn chịu nhiều ảnh hưởng về chính trị, kinh tế, văn hoá... Đây không phải là hiện tượng đặc biệt bởi lẽ

¹¹ Krishnan Srinivasan (2006), tr.265.

¹² K. West (1995), *Economic Opportunities for Britain and Commonwealth*, Royal Institute of International Affairs, London, tr.3.

rất nhiều các tổ chức quốc tế hiện đại trong đó vẫn có một hay một vài thành viên trụ cột. Tuy nhiên, một điểm quan trọng cần phân biệt ở đây là những tổ chức quốc tế hiện đại này có thể chế không mang tính áp đặt. Trong quá trình hình thành và phát triển của KTVK cũng có một giai đoạn lịch sử mang tính áp đặt như vậy, đó là thời kỳ tính từ "british" còn gắn liền với tên gọi của Khối và cái bóng khổng lồ của Đế quốc Anh vẫn bao trùm lên mọi hoạt động của tổ chức này. Sau một thời gian tồn tại, trước xu thế của thời đại, các thể chế áp đặt này đã không còn chỗ đứng và thay vào đó là loại hình thể chế mới, thể chế hợp tác, trong đó các quốc gia tham gia tự nguyện tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực của tổ chức, mặc dù họ vẫn có thể cạnh tranh với nhau về nhiều mặt hay vẫn còn chịu ít nhiều ảnh hưởng của một hoặc một vài quốc gia trụ cột.

Từ sau Thế chiến thứ Hai đến nay, từ một "thể chế" do Anh "thiết kế" và "lãnh đạo", KTVK cùng với những biến động lịch sử đã chuyển đổi thành một tổ chức quốc tế tự nguyện và bình đẳng. Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng của các thành viên mong muốn xây dựng một tổ chức quốc tế hiện đại. Ở một chừng mực nào đó, Anh vẫn được coi là một trụ cột của Khối. Tuy nhiên, bằng chính nội lực của mình, KTVK đã có những thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, giáo dục... đặc biệt là các chương trình hỗ trợ các quốc gia nhỏ,

khẳng định vai trò của một tổ chức quốc tế đối với các thành viên cũng như với cộng đồng quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. A.J.Stockwell (1999), *Ending the Empire*, London University, London.
2. D. Austin (1988), *The Commonwealth and Britain*, Chatham House Paper 41, Royal Institute of International Affairs.
3. J.D.B.Miller (1958), *The Commonwealth in the World*, Duckworth, London.
4. J.D.B.Miller (1970), *Britain and the Commonwealth*, Duke University, Durham.
5. Krishnan Srinivasan (2006), *Nobody's Commonwealth? Commonwealth in Britain's Post-imperial Adjustment*, *Commonwealth and Comparative Politics* (Vol.44, No.2).
6. K.West (1995), *Economic Opportunities for Britain and Commonwealth*, Royal Institute of International Affairs, London.
7. Nguyễn Công Khanh (1996), *Vài nét về mối quan hệ giữa Ấn độ và Khối Liên hiệp Anh Commonwealth 1947 - 1950*, Nghiên cứu Châu Âu (Số 5/1996), tr.39 - 41.
8. Porter & Stockwell (1987), *British Imperial Policy and Decolonization*, Vol.1, Palgrave, Basingstock.